

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5080 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 27 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án cải tạo, nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Sông Mã cơ sở 2, công suất sản xuất giấy để 2.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất đũa 600 tấn sản phẩm/năm tại xã Phú NghiêM, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Hợp tác xã Chế biến lâm sản Sông Mã.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Công văn số 5869/UBND-NN ngày 16/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất giấy, bột giấy trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án cải tạo, nâng cấp xưởng chế biến lâm sản Sông Mã cơ sở 2, công suất sản xuất giấy để 2.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất đũa 600 tấn sản phẩm/năm tại xã Phú NghiêM, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa tại thông báo kết quả thẩm định của hội nghị thẩm định họp ngày 06/09/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 106/CV-SM ngày 15/11/2020 của Hợp tác xã chế biến lâm sản Sông Mã;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1235/Tr-STNMT ngày 24/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Cải tạo, nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Sông Mã cơ sở 2, công suất sản xuất giấy để 2.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất đũa 600 tấn sản phẩm/năm tại xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là dự án) của Hợp tác xã Chế biến lâm sản Sông Mã (sau đây gọi là chủ dự án), với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa, Chủ nhiệm HTX Chế biến lâm sản Sông Mã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Cải tạo, nâng cấp xưởng chế biến lâm sản Sông Mã cơ sở 2, công
suất sản xuất giấy để 2.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất dũa 600 tấn sản
phẩm/năm tại xã Phú Nghiê, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa
của Hợp tác xã chế biến lâm sản Sông Mã.

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh)*

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Tên dự án: Dự án cải tạo, nâng cấp xưởng chế biến lâm sản Sông Mã cơ sở 2, công suất sản xuất giấy để 2.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất dũa 600 tấn sản phẩm/năm tại xã Phú Nghiê, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Đại diện chủ đầu tư: Hợp tác xã chế biến lâm sản Sông Mã

- Người đại diện: Lê Văn Bình

- Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Xã Phú Nghiê, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Số điện thoại: 0989713111

1.3. Phạm vi, quy mô và công suất dự án:

- Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng: Dự án được đầu tư xây dựng có diện tích là 6.010,82 m², bao gồm các hạng mục: Nhà xưởng sản xuất; bể ngâm ủ bột giấy; nhà văn phòng; nhà ăn và nghỉ ca công nhân; nhà kho thành phẩm; nhà kho vật tư và các công trình phụ trợ khác.

- Công suất sản xuất của dự án: 2.000 tấn giấy để thành phẩm/năm và 600 tấn dũa/năm.

2. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn vận hành của dự án

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 4,45 m³/ngày; trong đó: Nước thải vệ sinh khoảng 1,35 m³/ngày; nước thải rửa tay chân khoảng 1,35 m³/ngày; nước thải nhà ăn khoảng 1,75 m³/ngày. Thành phần nước thải gồm: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ thực vật, động vật, Coliform.

- Nước thải sản xuất có lưu lượng lớn nhất là 271 m³/ngày; trong đó, nước thải dịch đen (từ hoạt động ngâm ủ nguyên liệu) là 13 m³/ngày, thành phần ô nhiễm chủ yếu là dịch lignin, nồng độ COD, BOD, TSS rất cao ...; nước thải xeo giấy, rửa nguyên liệu và pha màu là 258 m³/ngày, thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là xơ sợi, hemixenlulo, COD, BOD, TSS

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi nguyên liệu là 75 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là rơm tre, luồng băm trước khi ngâm ủ.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện ra, vào dự án, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; từ quá trình ngâm ủ, xeo giấy, sản xuất dũa; từ hoạt động lò

sấy, máy phát điện; từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thành phần chủ yếu là bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 19 kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn sản xuất: Chất thải từ xưởng sản xuất dũa; xỉ từ quá trình đốt lò cấp hơi; giấy để bị rách...

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 0,07 tấn/ngày; trong đó, bùn thải từ bể phản ứng dịch đen có khối lượng 8,5 kg/ngày; bùn thải từ các bể xử lý khác có khối lượng 61,5 kg/ngày.

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, bao bì cứng bằng kim loại,.... khối lượng khoảng 25,5 kg/tháng.

- Dầu thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị: 5 kg/tháng

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a. Biện pháp thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi nguyên liệu: Khu vực bãi chứa nguyên liệu sẽ được xây dựng gờ bao cao khoảng 20cm, bên trong bố trí rãnh kín để thu gom nước mưa chảy qua bãi và dẫn về hệ thống xử lý nước thải (XLNT) tập trung của dự án.

b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải phát sinh do quá trình rửa chân tay: được thu gom vào đường ống dẫn nước thải xám riêng biệt đưa về 01 hố lắng có dung tích 0,5m³ (kích thước rộng×dài × cao = 80 cm×80cm×80cm), sau đó được dẫn về hệ thống XLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện): được thu gom, xử lý qua 04 bể tự hoại 03 ngăn đặt ngầm (mỗi bể có dung tích 5m³, kích thước rộng×dài×cao = 2m×2,5m×1m), nước thải sau đó được dẫn về hệ thống XLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ nhà ăn: được xử lý sơ bộ qua 01 bể tách dầu mỡ (dung tích 1,5 m³, kích thước rộng×dài×cao = 1,0m×1,5m×1,0 m), sau đó được dẫn về hệ thống XLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

c. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sản xuất:

- Nước thải sản xuất sẽ được dẫn qua hệ thống song chắn rác, lưới lọc để loại bỏ rác thô và rác tinh; trong đó, nước thải dịch đen từ quá trình ngâm ủ sẽ được thu gom và xử lý qua các bể: Bể chứa nước thải dịch đen (thể tích 40m³); bể phản ứng và lắng cặn dịch đen (thể tích 20m³).

- Nước thải từ công đoạn rửa và xeo giấy dẫn về hệ thống XLNT tập trung của nhà máy để xử lý.

d. Hệ thống XLNT tập trung:

- Hệ thống XLNT tập trung của nhà máy có công suất 400 m³/ngày.đêm, xử lý nước thải từ quá trình ngâm ủ, rửa nguyên liệu, xeo giấy, sinh hoạt và nước mưa chảy tràn qua bãi nguyên liệu.

- Quy trình/công nghệ xử lý của hệ thống như sau: Nước thải → Bể điều hòa → Bể hiếu khí → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng 1 → Bể lắng 2 → Bể oxy hóa nâng cao → Bể chứa nước tuần hoàn (không xả thải ra môi trường).

Bảng tổng hợp kích thước các hạng mục công trình của hệ thống XLNT tập trung

TT	Hạng mục	Dung tích xây dựng (m ³)
1	Bể điều hòa	150
2	Bể hiếu khí	140
3	Bể keo tụ, tạo bông	6
4	Bể lắng 1	28
5	Bể lắng 2	28
6	Bể oxi hóa nâng cao	18
7	Bể chứa nước tuần hoàn	70
8	Bể chứa bùn	35
9	Bể sự cố	800

- Chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo quy định tại QCVN 12-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải giấy, bột giấy (cột B3). Nước thải sau xử lý được sử dụng tuần hoàn cho hoạt động sản xuất của cơ sở, không xả ra môi trường. Lắp đặt hệ thống camera giám sát tại khu vực hệ thống XLNT tập trung để quản lý hoạt động xả thải.

- Nếu hệ thống XLNT tập trung gặp sự cố, nước thải sẽ được bơm sang bể sự cố để lưu giữ, thời gian tối đa có thể lưu giữ là 02 ngày. Sau khi khắc phục được hệ thống XLNT, nước thải từ bể sự cố được bơm ngược về bể điều hòa để xử lý lại. Trường hợp không khắc phục được sẽ dừng hoạt động, báo cáo với cơ quan có thẩm quyền, tiếp tục thực hiện sửa chữa, khắc phục; chỉ được hoạt động khi đã khôi phục xong hệ thống.

3.2. Về bụi, khí thải:

- Thường xuyên vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ trong xưởng; phun nước trên tuyến đường nội bộ của cơ sở, để giảm thiểu bụi đường cuốn theo phương tiện vận chuyển. Các phương tiện vận chuyển khi tham gia giao thông phải có giấy đăng kiểm.

- Khí thải lò sấy được hút vào hệ thống chụp hút và dẫn qua ống khói cao 15m ra môi trường; trồng cây xanh khuôn viên dự án.

- Trang bị các quạt thông gió và quạt công nghiệp tại các xưởng sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (gồm quần áo, khẩu trang hoạt tính, kính mắt, mũ, ủng, gang tay...) cho công nhân nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát

sinh mùi hôi thối.

- Bùn cặn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.... định kỳ Hợp đồng với đơn vị thu gom, xử lý theo quy định.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

- Tại khu vực nhà ăn, bố trí 01 thùng chứa có thể tích 120 lit/thùng, có nắp đậy để chứa rác thải tại khu vực bếp nấu và ăn uống.

- Tại khu vực nhà nghỉ ca công nhân, bố trí các thùng đựng rác 05 lit/thùng để chứa rác thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên.

- Hợp đồng với đội vệ sinh môi trường địa phương tới thu gom, đem đi xử lý theo quy định.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sản xuất

- Chất thải từ xưởng sản xuất dũa được tận dụng làm nguyên liệu đầu vào sản xuất giấy đế. Đối với mắt tre, luồng được sử dụng làm nguyên liệu cho lò sấy.

- Xi từ lò sấy được thu gom được đưa về bể chứa (*kích thước 3m x 4m x 2m*) hoặc cho công nhân cơ sở, người dân địa phương sử dụng làm phân bón.

- Giấy đế rách tận thu làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất.

- Bùn thải từ hệ thống XLNT tập trung hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở được thu gom và phân loại tại nguồn, sau đó đưa về kho chứa CTNH có diện tích là 19,5m². Trong kho bố trí 03 thùng thể tích 100 lit/thùng, thùng kín, có nắp đậy, dán nhãn cụ thể nhóm loại chất thải nguy hại và hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý. Vỏ thùng đựng hóa chất được thu gom và lưu giữ tại nhà kho lưu giữ CTNH, sau đó trả lại cho đơn vị cung cấp theo hợp đồng kinh tế.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

Giám sát thực hiện trong giai đoạn vận hành bao gồm

4.1. Giám sát chất lượng khí thải:

a. Vị trí giám sát:

- K1: Vị trí mẫu tại ống thoát khí lò sấy giấy đế;

- K2: Vị trí mẫu tại khu vực trung tâm xưởng sản xuất giấy đế;

- K3: Vị trí mẫu tại xưởng sản xuất dũa.

b. Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, Bụi tổng số, CO, NO₂, SO₂.

c. Quy chuẩn áp dụng:

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

d. Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

4.2. Giám sát chất lượng nước thải

a. Vị trí giám sát:

- NT1: Vị trí lấy mẫu tại bể điều hòa của hệ thống XLNT tập trung.

- NT2: Vị trí lấy mẫu tại bể chứa nước tuần hoàn tái sử dụng.

b. Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Độ màu.

c. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 12-MT:2015/BNTMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (cột B3).

d. Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

4.3. Giám sát bùn thải:

a. Vị trí giám sát: 01 mẫu bùn thải tại bể chứa bùn của dự án.

b. Chỉ tiêu giám sát: As, Cd, Pb, Zn, Ni, Se, Hg, Cr, Tổng Xyanua (CN), Tổng dầu, phenol, benzen.

c. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

d. Tần suất giám sát: 01 năm/lần./.